TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2024/HS-ST
Ngày: 28-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tán Nghị
2. Bà Lê Thị Hồng

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 124/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024, đối với:

- Bị cáo: **Dương Văn Q**, tên gọi khác: không; Sinh ngày: 16/06/1982 tại tỉnh Quảng Nam; Căn cước công dân số: 048082003550; cấp ngày 03/03/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi thường trú: Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nơi tạm trú: không; nơi ở hiện tại: không xác định; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M (sinh năm 1956) và bà Văn Thị C (sinh năm 1962, đã chết); vợ: Phạm Thị T (sinh năm 1983); con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: không;

Ngày 22/7/2024 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H ra Quyết định truy nã; ngày 07/8/2024 Dương Văn Q ra đầu thú; Bị cáo Dương Văn Q bị bắt tạm giam ngày 07/8/2024 và hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Phạm Trường T1, sinh năm 1958; Địa chỉ: E N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (*có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đặng X, sinh năm 1976 và bà Trần Nữ Thục Q1, sinh năm 1979; Địa chỉ: G N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (*ông X và bà Q1 vắng mặt*).

+ Ông Nguyễn Bình P, sinh năm 1981 và bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (*ông P và bà D vắng mặt*).

+ Bà Vũ Thị Minh X1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Nhà số A đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, ông Võ Văn H (*sinh 1971, hiện đã chết*) và bà Hồ Thị T2 (*sinh năm 1968*); cùng trú tại phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng được Sở T4 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 452689 đối với thửa đất số 1720, tờ bản đồ số 7; diện tích 730,8m^2 (*trong đó có 200m^2 đất ở và 530,8m^2 đất trồng cây hàng năm khác*) tại thôn Y, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Đến tháng 4/2021, thông qua Dương Văn Q môi giới nên ông H và bà T2 đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông Đặng X (*sinh năm 1976*) và bà Trần Nữ Thục Q1 (*sinh năm 1979*) cùng trú tại số: G N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đăng ký biến động vào ngày 09/4/2021. Cùng thời gian này, Dương Văn Q do thiếu nợ nhiều người nên đã nảy sinh ý định gian dối lừa bán thửa đất này cho người khác để chiếm đoạt tiền trả nợ; thông qua vợ chồng ông Nguyễn Bình P (*sinh năm 1981*) và bà Lê Thị Kim D (*sinh năm 1979*) cùng trú tại tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nên ông Phạm Trường T1 (*sinh năm 1958; trú tại số E đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng*) đã liên hệ thỏa thuận và đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng cho Dương Văn Q để nhận chuyển nhượng lại diện tích 140m^2 đất thuộc thửa đất số 1720 (giá trị nhận chuyển nhượng là 800.000.000 đồng). Việc đặt cọc được Q lập Giấy nhận đặt cọc, hẹn ngày 30/4/2021 sẽ ra công chứng chuyển nhượng. Sau khi nhận tiền của ông T1 và đến ngày thực hiện công chứng, nhằm để ông T1 không tố cáo hành vi của mình nên Q hứa hẹn và lập "*Giấy xin gia hạn hợp đồng*" ghi ngày 03/05/2021, thời gian gia hạn từ ngày 03/5/2021 đến ngày 03/8/2021. Tiếp đó đến ngày 24/05/2022 Dương Văn Q viết "*Giấy hẹn trả tiền cọc*" trong đó có nhận tiền cọc 200.000.000 đồng và lô đất Điện Tiến 50.000.000 đồng, tổng cộng là 250.000.000 đồng và cam kết sẽ trả lại cho ông T1 vào ngày 27/5/2022). Tuy nhiên, đến thời gian hẹn nhưng Q vẫn không thực hiện được nên ông T1 đã yêu cầu Q trả lại tiền thì Q đã bỏ trốn khỏi địa phương từ tháng 7 năm 2022.

Cáo trạng số 112/CT-VKS-HV ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng truy tố Dương Văn Q về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn Q trình bày nội dung sự việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Dương Văn Q phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn Q từ 07 đến 08 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Dương Văn Q phải bồi thường cho ông Phạm Trường T1 số tiền 238.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 Giấy đặt cọc ghi ngày 07/3/2021 và mặt sau có ghi nội dung Giấy xin gia hạn hợp đồng ghi ngày 03/5/2021 và 01 Giấy hẹn trả tiền cọc ghi ngày 24/5/2022 là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Văn Q, đã được đánh số lục lục lưu giữ tại hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Về án phí: Buộc bị cáo Dương Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Dương Văn Q không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo Dương Văn Q nói lời sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và hòa nhập cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Dương Văn Q không phải là chủ sử dụng lô đất tại thửa đất số 1720, tờ bản đồ số 7; diện tích 140m^2 tại địa chỉ thôn Y, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng nhưng Q đã đưa ra thông tin gian dối là chủ sử dụng lô đất nêu trên và nhận tiền đặt cọc 200.000.000 đồng của ông Phạm Trường T1 theo Giấy đặt cọc ghi ngày 07/3/2021, giá chuyển nhượng lô đất là 800.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/4/2021 ông T1 sẽ giao đủ số tiền 600.000.000 đồng và tiến hành công chứng chuyển nhượng cho ông T1 lô đất. Ngày 03/5/2021 Dương Văn Q viết Giấy xin gia hạn hợp đồng cam kết ra sổ đỏ và tiến hành công chứng sang tên cho ông T1 trong thời hạn từ 03/5/2021 đến ngày 03/8/2021. Sau đó Q đến nhà ông T1 yêu cầu đặt cọc thêm 50.000.000 đồng để Q giải quyết việc riêng đối với lô đất tại Đ. Tiếp đó đến ngày 24/5/2022, Dương Văn Q viết "*Giấy hẹn trả tiền cọc*" cam kết trả cho ông T1 số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 27/05/2022 để ông T1 tin tưởng và sau đó bỏ trốn. Tổng số tiền mà bị cáo Dương Văn Q

chiếm đoạt được của bị hại Phạm Trưởng T3 là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Hành vi của bị cáo Dương Văn Q đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 112/CT-VKS-HV ngày 23/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy, bị cáo Dương Văn Q là người có sức khỏe, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng bị cáo không chịu lao động chân chính, thích có tiền tiêu xài cá nhân không phải do sức lao động của mình làm ra nên bị cáo đã phạm tội. Bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối và chiếm đoạt của ông T3 tổng số tiền 250.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, để bị cáo có điều kiện cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông T3 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; khi bị cáo biết được mình bị truy nã bị cáo đã ra đầu thú; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có ông nội là Dương H1 được tặng kỷ niệm chương "*Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đầy*". Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho ông T3 được số tiền 12.000.000 đồng; ông T3 yêu cầu bị cáo Dương Văn Q phải tiếp tục bồi thường số tiền 238.000.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của người bị hại là có căn cứ, phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo Dương Văn Q phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Trường T1 số tiền 238.000.000 đồng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với 01 "GIẤY NHẬN ĐẶT CỌC" ghi ngày 07/3/2021 và mặt sau có ghi nội dung: "GIẤY XIN GIA HẠN HỢP ĐỒNG" ghi ngày 03/5/2021 (Bl: 32) và 01 "GIẤY HẸN TRẢ TIỀN CỌC" ghi ngày 24/5/2022 (BL: 33) là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Văn Q, đã được đánh số lục và lưu giữ tại hồ sơ vụ án nên căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng

hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

[8] Đối với bà Vũ Thị Minh X1 không yêu cầu xem xét đến việc Dương Văn Q chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, bà X1 không yêu cầu Q phải trả lại số tiền Q đã chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Dương Văn Q theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là chưa thỏa đáng.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Dương Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Văn Q phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên xử,

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn Q 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 8 năm 2024.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584 và 589 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Buộc bị cáo Dương Văn Q phải bồi thường cho ông Phạm Trường T1 số tiền 238.000.000đ (*Hai trăm ba mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc không thi hành đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Xử lý vật chứng*: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Tuyên xử: Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 "GIẤY NHẬN ĐẶT CỌC" ghi ngày 07/3/2021 và mặt sau có ghi nội dung: "GIẤY XIN GIA HẠN HỢP ĐỒNG" ghi ngày 03/5/2021 (Bl: 32) và 01 "GIẤY HẸN TRẢ TIỀN CỌC" ghi ngày 24/5/2022 (BL: 33) là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Văn Q.

4. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Buộc bị cáo Dương Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

+ Buộc bị cáo Dương Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.900.000đ (*Mười một triệu, chín trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc) niêm yết trích sao bản án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo/Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Công an huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đức Thiện